TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2024/DSST
Ngày: 04-9-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Thạch Hùng**;

Ông **Nguyễn Văn Bé.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Minh Châu-** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2024/TLST-DS, ngày 29-01-2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; theo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2024/QĐXXST-DS, ngày 20-8-2024; giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN; Địa chỉ: 02 Láng H, phường ThC, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện cho ngân hàng: Ông Nguyễn Trung Q-Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN chi nhánh huyện Tiểu Cần (Có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1943; Địa chỉ: Ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

2. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết người đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/11/2019, anh Nguyễn Ngọc T là người đại diện hộ gia đình với NHNo&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Tiểu Cần-phòng giao dịch Long Thới có ký hợp đồng tín dụng số: 747404LAV201904986 cho anh T vay với số tiền vốn bằng 200.000.000 đồng, mục đích vay để phục vụ hoạt động KD và/hoặc nhu cầu đời sống, lãi suất 9,45%/năm (tại thời điểm nhận nợ), lãi suất quá hạn

bằng 150% so với lãi suất trong hạn; hạn trả nợ gốc được phân thành 05 kỳ cụ thể:

Kỳ 01, ngày 23/11/2022 trả bằng 40.000.000 đồng;

Kỳ 02, ngày 23/1/2023 trả bằng 40.000.000 đồng;

Kỳ 03, ngày 23/11/2024 trả bằng 40.000.000 đồng;

Kỳ 04, ngày 23/11/2025 trả bằng 40.000.000 đồng;

Kỳ 05, ngày 23/11/2026 trả bằng 40.000.000 đồng;

Đối với khoản tiền vốn vay trên bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Ngọc T có tín chấp các tài sản tại ngân hàng gồm:

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 952601 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 281, diện tích 1.020m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 952605 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 207, diện tích 630m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất: ONT+CLN (ONT 124m^2), tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 952606 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 205, diện tích 720m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất: ONT+CLN (ONT 114m^2), tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 958595 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 805, diện tích 3.980m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 958597 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 802, diện tích 2.040m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nợ vay đã quá hạn trả nợ gốc và lãi theo phân kỳ, sau nhiều lần ngân hàng đã làm việc với hộ vay, nhưng anh T và bà L không thực hiện đúng cam kết đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện nhưng hộ vay không thực hiện. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay trên sang nợ quá hạn và đã thông báo cho anh T và bà L được biết để thu hồi toàn bộ nợ vay theo hợp đồng đã ký.

Đại diện cho ngân hàng yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L trả cho ngân hàng tổng cộng bằng 266.965.337 đồng (Trong đó vốn vay bằng 200.000.000 đồng, lãi trong hạn bằng 47.189.863 đồng, lãi quá hạn bằng 16.058.631 đồng, lãi chậm trả bằng 3.716.843 đồng) và lãi suất phát sinh cho đến khi anh T và bà L thanh toán xong hợp đồng.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T có ý kiến trình bày: Ngày 08/11/2019 anh với NHNo&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Tiểu Cần- phòng giao dịch Long Thới đã ký hợp đồng tín dụng số: 747404LAV201904986 cho anh vay với số tiền vốn bằng 200.000.000 đồng, mục đích vay để phục vụ hoạt động KD và/hoặc nhu cầu đời sống, lãi suất 9,45%/năm (tại thời điểm nhận nợ), lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn; hạn trả nợ gốc được phân thành 05 kỳ cụ thể:

Kỳ 01, ngày 23/11/2022 trả bằng 40.000.000 đồng;

Kỳ 02, ngày 23/1/2023 trả bằng 40.000.000 đồng;

Kỳ 03, ngày 23/11/2024 trả bằng 40.000.000 đồng;

Kỳ 04, ngày 23/11/2025 trả bằng 40.000.000 đồng;

Kỳ 05, ngày 23/11/2026 trả bằng 40.000.000 đồng;

Toàn bộ hồ sơ vay vốn là do anh ký, sau khi nhận tiền anh giao toàn bộ số tiền vốn vay cho chị S mượn, anh cũng giao luôn hợp đồng tín dụng cho chị S theo dõi đóng lãi và trả tiền vốn theo phân kỳ cho ngân hàng, cho đến khi ngân hàng khởi kiện anh mới biết chị S chưa thanh toán tiền vay cho ngân hàng.

Anh với bà L có tín chấp tài sản cho ngân hàng giữ các quyền sử dụng đất (không có lập hợp đồng thế chấp tài sản) gồm:

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 952601 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 281, diện tích 1.020m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 952605 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 207, diện tích 630m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất: ONT+CLN (ONT 124m^2), tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 952606 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 205, diện tích 720m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất: ONT+CLN (ONT 114m^2), tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 958595 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 805, diện tích 3.980m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 958597 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 802, diện tích 2.040m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Anh sống chung với bà L, đang quản lý và sử dụng chung các thửa đất trên. Nợ vay ngân hàng khởi kiện anh là người vay, còn số tiền vay chị S là người sử dụng, hiện nay anh không có khả năng thanh toán tiền vốn vay và lãi

cho ngân hàng, đề nghị chị S trả tiền vốn vay và lãi cho ngân hàng thay anh hoặc anh chờ chị S trả anh mới có tiền trả cho ngân hàng.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị L có ý kiến trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Nguyễn Ngọc T, ngày 08/11/2019, bà có ký giấy ủy quyền cho anh T đại diện hộ gia đình và NHNo&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Tiểu Cần, phòng giao dịch Long Thới đã ký hợp đồng tín dụng số: 747404LAV201904986 vay với số tiền vốn bằng 200.000.000 đồng, mục đích vay để phục vụ hoạt động KD và/hoặc nhu cầu đời sống, lãi suất 9,45%/năm (tại thời điểm nhận nợ), lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn; hạn trả nợ gốc được phân 05 kỳ, tiền vốn vay anh T vay giùm cho chị Nguyễn Thị S sử dụng, chị S cũng là con gái bà, bà với anh T không có sử dụng tiền vốn vay.

Bà không có ký hợp đồng thế chấp tài sản với ngân hàng mà bà có gửi tín chấp tài sản cho ngân hàng giữ các quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 952601 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 281, diện tích 1.020m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 952605 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 207, diện tích 630m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất: ONT+CLN (ONT 124m^2), tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 952606 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 205, diện tích 720m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất: ONT+CLN (ONT 114m^2), tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 958595 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 805, diện tích 3.980m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 958597 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 802, diện tích 2.040m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với số tiền vốn vay và lãi mà ngân hàng khởi kiện đề nghị chị S trả thay, tiền vay bà với anh T không có sử dụng. Bà không có thế chấp tài sản trước khi vay vốn, nên không có tranh chấp gì với ngân hàng.

Ý kiến của chị Nguyễn Thị S trình bày: Ngày 08/11/2019, anh Nguyễn Ngọc T (là em ruột chị) với NHNo&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Tiểu Cần, phòng giao dịch Long Thới đã ký hợp đồng tín dụng số: 747404LAV201904986 vay với số tiền vốn bằng 200.000.000 đồng.

Số tiền vốn vay theo hợp đồng mà ngân hàng khởi kiện anh T và bà L là chị nhờ anh T vay tiền giùm cho chị mượn sử dụng, hợp đồng tín dụng chị giữ

để theo đõi đóng lãi cho ngân hàng, anh T và bà L không có sử dụng tiền vốn vay, việc vay tiền trên bà L có tín chấp 05 quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị L đứng tên quyền sử dụng đất cho ngân hàng, tài sản tín chấp là của bà L.

Do vay tiền tại thời điểm dịch bệnh, làm ăn thất bại nên chị không có tiền thanh toán cho ngân hàng theo thỏa thuận mà anh T đã ký trong hợp đồng tín dụng. Đối với số tiền vốn vay và lãi mà ngân hàng khởi kiện đến nay chị chưa thanh toán cho ngân hàng. Qua yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, chị xin lãnh trách nhiệm trả nợ thay cho anh T và bà L.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án 01 bộ hồ sơ vay vốn (bản photo có chứng thực do ngân hàng cung cấp) gồm: 01 đơn khởi kiện ngày 05/7/2023 (Bản chính); hợp đồng tín dụng số: 4747404LAV201904986, ngày 08/11/2019; báo cáo đề xuất cho vay, báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ; phương án sử dụng vốn; bảng kê tính lãi tiền vay; Quyết định ủy quyền thực hiện ủy quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án; Giấy CNQSD đất thửa 281, 207, 205, 805, 802, sổ hộ khẩu, CCCD; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có cung cấp chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Quan hệ tranh chấp trong vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Đại diện ngân hàng, anh Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị S có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án;

[2] *Về nội dung*: Ngày 08/11/2019, anh Nguyễn Ngọc T là người đại diện hộ gia đình với NHNo&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Tiểu Cần- phòng giao dịch Long Thới có ký hợp đồng tín dụng số: 747404LAV201904986 vay với số tiền vốn bằng 200.000.000 đồng, mục đích vay để phục vụ hoạt động KD và/hoặc nhu cầu đời sống, lãi suất 9,45%/năm (tại thời điểm nhận nợ), lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn; hạn trả nợ gốc được phân thành 05 kỳ cụ thể:

Kỳ 01, ngày 23/11/2022 trả bằng 40.000.000 đồng;

Kỳ 02, ngày 23/1/2023 trả bằng 40.000.000 đồng;

Kỳ 03, ngày 23/11/2024 trả bằng 40.000.000 đồng;

Kỳ 04, ngày 23/11/2025 trả bằng 40.000.000 đồng;

Kỳ 05, ngày 23/11/2026 trả bằng 40.000.000 đồng;

[3] Theo hợp đồng tín dụng số 747404LAV201904986, ngày 08/11/2019 có đủ căn cứ để xác định anh T đã nhận đủ số tiền vốn gốc bằng 200.000.000 đồng, trong thời gian thực hiện hợp đồng anh T và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo phân kỳ được ghi trong hợp đồng tín dụng mà anh T đã ký với ngân

hàng. Anh T và bà L có lời khai thống nhất số tiền vốn vay và tiền lãi suất ngân hàng khởi kiện là do mọi người vay giùm cho chị Nguyễn Thị S, đề nghị chị S trả cho ngân hàng. Quá trình giải quyết chị S thừa nhận hợp đồng tín dụng mà ngân hàng khởi kiện anh T, bà L là của chị nợ, chị đồng ý trả nợ thay cho anh T và bà L, do hiện nay là ăn thất bại chị xin trả dần số tiền vốn vay và lãi cho ngân hàng.

[4] Xét thấy, hợp đồng tín dụng số 747404LAV201904986, ngày 08/11/2019 được ký kết giữa ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Tiểu Cần, phòng giao dịch Long Thới với anh T bà L trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên, cho nên yêu cầu của anh T và bà L buộc chị Nguyễn Thị S trả tiền vốn vay và lãi cho ngân hàng, yêu cầu này không được đại diện gân hàng đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận. Anh T và bà L được quyền khởi kiện chị S đối với số tiền vốn vay và lãi mà ngân hàng đang khởi kiện hai người bằng vụ kiện khác theo quy định.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T và bà L đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh T và bà L vẫn không thực hiện, tính đến ngày 04/9/2024 tổng cộng bằng 266.965.337 đồng (Trong đó vốn vay bằng 200.000.000 đồng, lãi trong hạn bằng 47.189.863 đồng, lãi quá hạn bằng 16.058.631 đồng, lãi chậm trả bằng 3.716.843 đồng). Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền còn nợ nói trên là phù hợp với Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 được Hội đồng xét xử chấp nhận. Kể từ ngày 05/9/2024 nếu anh T và bà L không trả được nợ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất được ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký.

[6] Theo hợp đồng tín dụng số: 747404LAV201904986, ngày 08/11/2019, anh T và bà L có tín chấp cho ngân hàng 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Do ngân hàng với anh T và bà L không có lập hợp đồng thế chấp tài sản bằng quyền sử dụng đất nên không xem xét. Từ những nhận định nêu trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ.

[7] V*ề án phí sơ thẩm*: Buộc anh Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật; Ngân hàng không phải chịu án phí;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 90, 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN.

2. Buộc anh Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN tổng cộng bằng 266.965.337 đồng (Trong đó vốn vay bằng 200.000.000 đồng, lãi trong hạn bằng 47.189.863 đồng, lãi quá hạn bằng 16.058.631 đồng, lãi chậm trả bằng 3.716.843 đồng).

Kể từ ngày 05/9/2024 cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền nợ gốc chưa trả, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất ghi trong hợp đồng tín dụng số: 747404LAV201904986, ngày 08/11/2019 cho đến khi thi hành án xong.

3. Sau khi anh Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L thanh toán hết nợ vay, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN có trách nhiệm trả lại 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T và bà L gồm:

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 952601 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 281, diện tích 1.020m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 952605 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 207, diện tích 630m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất: ONT+CLN (ONT 124m^2), tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 952606 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 205, diện tích 720m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất: ONT+CLN (ONT 114m^2), tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 958595 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 805, diện tích 3.980m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất phát hành sốH 958597 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 07/5/1997, thuộc thửa 802, diện tích 2.040m^2, tờ bản đồ số 5, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 6.674.133 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 6.674.133 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên miễn toàn bộ án phí cho bà L.

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN không phải chịu án phí; Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 5.895.230 đồng theo biên lai thu tiền số 0000373 ngày 29-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm